

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2020/HSST
Ngày 05-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Hữu Nghĩa

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại: Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM THANH T** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1993, tại G. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 10, xã I, huyện I, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Đ, Sinh năm 1969 và bà: Đào Thị Y, Sinh năm 1968. Bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1991. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phạm Thanh T bị tạm giữ từ ngày 25-6-2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Tiến, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 5, phường K, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Người chứng kiến:

- Ông Thới Hằng, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 04, phường I, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh T là người có sử dụng chất ma túy. Thông qua bạn bè ngoài xã hội, T biết tại khu vực ngã tư phường Yên Thế, thành phố Pleiku có người bán ma túy. Khoảng 14 giờ ngày 24/6/2020, T đón xe thò của một người (không rõ họ tên

và lai lịch) đi từ huyện I đến khu vực ngã tư phường Y. Tại đây, T đã mua của một người thanh niên (không rõ họ tên, lai lịch) 02 gói ma túy (trong đó có 01 gói nilon bên trong có 08 gói giấy) đều là ma túy Heroine với số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi mua ma túy, T đi đến thuê phòng số 202 nhà nghỉ Cát Hạ, Tổ 05, phường IaKring, thành phố Pleiku, để sử dụng ma túy. Tại đây, T đã sử dụng hết 02 gói ma túy trong số 08 gói; số ma túy còn lại, T để trên giường trong phòng để sử dụng sau. Đến 22 giờ 10 phút cùng ngày, khi T đang ở tại phòng số 202 thì bị Lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang; thu giữ trên giường - nơi T đang nằm ngủ 01 gói nilon chứa chất dạng cục, bột màu trắng và 01 gói nilon chứa 06 gói giấy chứa chất dạng cục, bột màu trắng (đã được niêm phong theo quy định). T khai nhận là ma túy Heroine cất giấu mục đích để sử dụng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của T 500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Qua trung cầu giám định, tại bản kết luận giám định số 535 ngày 03 tháng 7 năm 2020 của phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh G, kết luận: *“Chất màu trắng, dạng cục, bột trong 01 gói nilon và chất màu trắng dạng cục, bột trong 06 gói giấy (trong 01 gói nilon) trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng 0,5344 gam”*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 161/CT-VKS ngày 08-10-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G đã truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử;

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T với mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25-6-2020.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) bì công văn số: 535/PC09 ngày 03-7-2020, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai. (có các chữ ký Lê Tiến L, Bùi Sĩ T, Hoàng V).

Đối với số tiền 500.000 đồng là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định và không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.
Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh G; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, biên bản phạm tội quả tang cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Thanh T phạm tội như sau:

Vào lúc 22 giờ 10 phút ngày 24/6/2020, tại phòng số 202 nhà nghỉ Cát Hạ, Tổ 05, phường K, thành phố P, tỉnh G, khi Phạm Thanh T đang tàng trữ 0,5344 gam chất ma túy (loại Heroine) với mục đích để sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật.

Tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b)...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05gam”.

Ma túy là chất độc, có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi vào cơ thể con người có tác dụng làm thay đổi trạng thái ý thức và tâm sinh lý của con người, làm hạn chế hoạt động của não bộ và gây ức chế hệ thần kinh. Sự nghiện ngập là biểu hiện của trạng thái ngộ độc mãn tính do chất ma túy gây ra, làm tổn thương cho bản thân. Ma túy gây tác hại về nhiều mặt trong đời sống, xã hội. Sử dụng ma túy làm suy thoái nhân cách, phẩm giá con người, gây xói mòn đạo lý, kinh tế, xã hội.

Bị cáo Phạm Thanh T là người đã trưởng thành, có trình độ học vấn nhất định, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được tác hại và hậu quả của sử dụng ma túy. Nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo đã tàng trữ 0,5344 gam chất ma túy (loại Heroine) với mục đích để sử dụng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, góp phần tiếp tay gieo rắc nạn dịch HIV-AIDS và những tệ nạn xã hội khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (một) bì công văn số: 535/PC09 ngày 03-7-2020, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G. (có các chữ ký Nguyễn Lê Tiến L, Bùi Sĩ T, Hoàng V). Xét đây là tang vật của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 500.000đồng là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mục đích của bị cáo mua ma túy về để sử dụng, bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người thanh niên mà bị cáo khai là người bán ma túy cho bị cáo vào ngày 24-6-2020. Do bị cáo T không biết nhân thân, lai lịch của đối tượng này; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được đối tượng này nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là có căn cứ.

Đối với anh Trần T (sinh năm 1990; là chủ nhà nghỉ Cát Hạ); quá trình điều tra xác định: Việc T mua ma túy mang vào nhà nghỉ để sử dụng thì anh T không biết nên không có căn cứ xử lý về hành vi không tố giác tội phạm và hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thanh T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 25-6-2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) bì công văn số: 535/PC09 ngày 03-7-2020, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai. ((có các chữ ký Nguyễn Lê Tiến L, Bùi Sĩ T, Hoàng V).

Trả lại cho bị cáo Phạm Thanh T 500.000đồng (năm trăm ngàn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19-10-2020 giữa Công an thành phố P, tỉnh G và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Thanh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*”

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhàn

